TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1422/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1075/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thúy T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Nhà không số (B), Khu phố B, phường A (phường A, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nghiêm Xuân T1**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Nhà không số (B), Khu phố B, phường A (phường A, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Bà Bùi Thị Thúy T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Nhà không số (B), Khu phố B, phường A (phường A, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nghiêm Xuân T1, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Nhà không số (B), Khu phố B, phường A (phường A, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thúy T và ông Nghiêm Xuân T1 thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/5/2019 không còn giá trị.

2.2 Về con chung: Bà Bùi Thị Thúy T và ông Nghiêm Xuân T1 không có con chung.

2.3 Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Thúy T và ông Nghiêm Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Thị Thúy T và ông Nghiêm Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy T chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bà T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0036874 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp khi khởi kiện cho bà Bùi Thị Thúy T theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0036874 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị Thúy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 - Tp.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Tp.HCM;
- UBND xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Yến Ngọc